

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC XIII

Phụ lục số 01/THCTH

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CHƯA THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
VỀ XỬ LÝ TÀI CHÍNH, XỬ LÝ KHÁC ĐẾN 31/12/2022

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi tiêu	Tổng số	Tăng thu	Tăng thu khác	Giảm chi TX	Giảm chi ĐT	Xử lý nợ đọng vay tạm ứng và	Kiến nghị khác	Ghi chú
	Tổng cộng (1+2+...)								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	6.155.522.607.922	493.299.258.723		981.198.620.632	129.839.561.378	146.757.904	4.551.038.409.285	
I	Niên độ được kiểm toán năm 2020								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	573.666.055.653	14.134.652.891	0	337.808.610.788	18.757.142.613		202.965.649.361	
1	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	211.254.266.059	7.547.937.644	0	160.911.840.525	7.665.404.759		35.129.083.131	
1.1	Cục Thuế								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	5.724.877.263	5.724.877.263	0	0	0	0	0	
1.2	Sở Tài chính								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	173.171.994.580			154.830.994.580			18.341.000.000	
1.3	Sở Giáo dục và đào tạo								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.661.297.340			1.661.297.340				
1.4	Thành phố Vũng Tàu								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	9.360.609.411	0	0	0	196.609.411		9.164.000.000	
1.5	Thành phố Bà Rịa								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	7.771.266.043	0	0	0	658.579.610	0	7.112.686.433	
1.6	Huyện Long Điền								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.048.000.000	0		4.048.000.000	0			
1.7	Huyện Đất Đỏ								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	120.000.000	0	0	0	0		120.000.000	
1.8	Huyện Châu Đức								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.203.381.196	78.809.736		371.548.605	1.642.925.389		110.097.466	
1.9	Huyện Xuyên Mộc								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	5.448.589.580	0	0	0	5.167.290.348		281.299.232	
1.10	Ban Quản lý dự án Chuyên ngành Dân dụng và Công nghiệp								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0				0		0	



1.11	Ban Quản lý dự án Chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0				0			
1.12	Ban Quản lý dự án Giao thông khu vực Cảng Cái Mép- Thị Vải								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0				0			
1.13	Ban Quản lý dự án Chuyên ngành Giao thông tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0							
1.14	Sở Tài nguyên và môi trường								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.744.250.645	1.744.250.645						
2	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Phước								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	102.183.689.134	234.218.727	0	86.247.908.771	7.412.162.266	0	8.289.399.370	
1.1	Cục Thuế								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0	0	0	0	0	0	0	
1.2	Sở Tài chính								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	52.598.560.860	0		47.598.560.860			5.000.000.000	
1.3	Sở Y tế								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.365.930.872			3.365.930.872				
1.4	Sở Giáo dục và đào tạo								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.253.931.677	0	0	4.253.931.677	0		-	
1.5	Tp. Đồng Xoài								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	11.536.784.756	0	0	11.214.779.755	322.005.001	0	-	
1.6	Thị xã Phước Long								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	715.131.777	0		0	323.068.672	0	392.063.104	
1.7	Huyện Đồng Phú								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.381.000.000	0	0	1.381.000.000	0		-	
1.8	Huyện Bù Đăng								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	15.034.271.836	0		15.012.660.000	21.611.836		-	
1.9	Huyện Bù Gia Mập								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.421.045.608	0	0	3.421.045.608	0		-	
1.10	Huyện Phú Riềng								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.897.635.245			0	298.980		2.897.336.265	
1.11	Huyện Hớn Quản								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	582.959.140			0	582.959.140		0	

1.12	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Bình Phước								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	5.127.765.637				5.127.765.637		0	
1.13	Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.034.453.000				1.034.453.000			
1.14	Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0	0						
1.15	Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0	0						
1.16	Công Ty TNHH MTV Dịch Vụ Thủy Lợi Bình Phước								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	234.218.727	234.218.727						sung chứng từ thực hiện sau thời điểm báo cáo. Đến nay, đơn vị đã thực hiện
1.17	Chi cục thuế KV Đồng Xoài - Đồng Phú								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0	0					0	
1.18	Chi cục Thuế huyện Bù Đăng								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0	0					0	
1.19	Chi cục thuế KV Phước Long - BGM - PR								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0	0						
1.20	Chi cục thuế KV Bình Long - Hớn Quản								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0	0						
1.21	Chi cục thuế huyện Chơn Thành								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0	0						
3	Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Thuận								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	258.485.158.940	6.352.496.520	0	90.648.861.492	3.679.575.590	0	157.804.225.338	
1.1	Cục Thuế								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.268.734.212	0	0	0	0	0	1.268.734.212	
1.2	Sở Tài chính								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	66.179.995.791	0		6.321.432.309	0		59.858.563.482	
1.3	Sở Y tế								

	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	15.449.445.802	0		0	22.960.759		15.426.485.043	
1.4	Sở Giáo dục và đào tạo								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0	0	0	0	0		-	
1.5	Tp. Phan Thiết								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.445.614.177	0	0	208.605.669	2.069.096.872	0	1.167.911.637	
1.6	Thị xã Lagi								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	38.034.510.137	0		37.407.518.813	0	0	626.991.324	
1.7	Huyện Bắc Bình								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	53.072.903.259	214.215.420	0	38.011.530.560	0		14.847.157.279	
1.8	Huyện Hàm Thuận Bắc								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	41.848.416.097	0		379.565.961	0		41.468.850.136	
1.9	Huyện Hàm Thuận Nam								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	211.542.562	0	0	0	49.337.752		162.204.810	
1.10	Huyện Tánh Linh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	8.712.256.295			7.436.104.291	1.125.830.507		150.321.497	
1.11	Huyện Hàm Tân								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	17.129.493.352			884.103.889	0		16.245.389.463	
1.12	Chi cục Thuế Phan Thiết								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	378.908.288	0			0		378.908.288	
1.13	CCT Hàm Thuận Bắc - Hàm Thuận Nam								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	118.000.000	118.000.000						
1.14	CCT Lagi - Hàm Tân								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	235.304.732	0					235.304.732	
1.15	CCT Đức Linh - Tánh Linh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	107.812.788	107.812.788						
1.16	CCCT Bắc Bình - Tuy Phong								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.520.519.985	2.685.800.990					1.834.718.995	
1.17	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0	0					0	
1.18	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sông Dinh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0	0					0	
1.19	Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.226.667.322	3.226.667.322						
1.19	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT tỉnh Bình Thuận								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.132.684.441	0			0		4.132.684.441	

1.19	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN tỉnh Bình Thuận							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	379.337.900	0		379.337.900			
1.19	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Bình Thuận							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	33.011.801			33.011.801			
3	Cuộc kiểm toán BCTC năm 2020 của Tổng công ty Phát triển KCN							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0	0		0			
4	Cuộc kiểm toán BCTC năm 2020 của Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.742.941.523			0	1.742.941.523		
II	Niên độ được kiểm toán năm 2019							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.443.104.066.349	305.901.251.785	0	180.000.856.551	63.670.305.041	0	2.893.531.652.973
1	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2019 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.729.348.349.217	35.515.799.071	0	119.437.369.562	22.025.494.484	0	2.552.369.686.099
1.1	Cục Thuế							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	115.438.888.404	16.841.282.066		0	98.597.606.338		
1.2	Chi cục thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.497.461.097.545	11.000.000.000		0	1.486.461.097.545		
1.3	Chi cục Thuế KV Bà Rịa - Long Điền - Đất Đỏ							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.293.467.260	4.293.467.260		0	0		
1.4	Thành phố Bà Rịa							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	7.870.082.450	1.641.441.450		4.435.641.000	0	1.793.000.000	
1.5	Thành phố Vũng Tàu							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	61.519.025.111	27.871.727		1.000.000.000	6.942.215.984		53.548.937.400
1.6	Thị xã Phú Mỹ							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	659.617.923	0		129.392.683	530.225.240		
1.7	Huyện Châu Đức							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	117.495.861.140	0		113.872.335.879	3.623.525.261	0	
1.8	Sở Tài nguyên và môi trường							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.711.736.568	1.711.736.568		0	0		
1.9	Sở Tài chính							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	575.790.353.936	0		0	575.790.353.936		
1.10	Chi cục thuế khu vực Xuyên Mộc - Châu Đức							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	80.839.240	0		0	80.839.240		

1.11	Chi cục thuế Thị xã Phú Mỹ							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.776.968.559					4.776.968.559	
1.12	Ban QLDA CNGT tỉnh BRVT							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.580.650.604					1.580.650.604	
1.13	Công ty Liên doanh Vũng Tàu Paradise							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	329.740.232.477					329.740.232.477	
1.14	Huyện Long Điền							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	12.893.416			12.893.416		0	
1.15	Huyện Xuyên Mộc							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	709.102.861			709.102.861		0	
1.16	Ban QLDA CN NN&PTNT							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	310.644.940			310.644.940		0	
1.17	Huyện Đất Đỏ							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.228.096.666			2.228.096.666		0	
1.18	Tp. Bà Rịa							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	7.668.790.116			7.668.790.116		0	
2	Cuộc kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại 06 doanh nghiệp thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	63.750.032.207	2.583.074.889				61.166.957.318	
3	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2019 tỉnh Đồng Nai							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	491.513.126.851	261.349.602.795		56.283.340.750	32.480.412.111	141.399.771.194	
3.1	Cục Thuế							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	62.929.478.869	53.288.362.732				9.641.116.137	
3.2	Chi cục Thuế Biên Hòa							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	7.514.976.214	7.514.976.214				0	
3.3	Chi cục Thuế khu vực Trảng Bom - Thống Nhất							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	538.202.110	538.202.110				0	
3.4	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	160.980.076	160.980.076				0	
3.5	Đài Phát thanh truyền hình							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	129.389.991	129.389.991				0	
3.6	Huyện Trảng Bom							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	54.816.442.494	61.870.000		3.891.314.047	3.401.615.838	47.461.642.609	
3.7	Sở Tài nguyên và môi trường							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	202.668.414.304	198.983.480.403		3.684.933.901		0	

3.8	Sở Tài chính								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	12.810.000.000	0	0	12.810.000.000			0	
3.9	Sở Xây dựng								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.098.500.000	0	0	2.098.500.000			0	
3.10	Kho bạc nhà nước								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	56.063.258.476	0	0	12.115.444.652			43.947.813.824	
3.10	Văn phòng UBND tỉnh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.952.509.254	0	0	1.952.509.254			0	
3.11	Tp. Biên Hòa								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	13.682.889.150	672.341.269	0	4.328.562.390	6.241.696.466		2.440.289.025	
3.12	Tp. Long Khánh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	17.163.621.309	0	0	13.284.432.489	1.722.485.356		2.156.703.464	
3.13	Huyện Định Quán								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	7.482.552.375	0	0	1.907.571.422	5.574.980.953		0	
3.14	Huyện Tân Phú								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	15.050.314.194	0	0	48.621.041	15.001.693.153		0	
3.15	Huyện Thống Nhất								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	864.911.806	0	0	161.451.554	307.267.728		396.192.524	
3.16	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Đồng Nai								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.249.329.051	0	0	0	230.672.617		2.018.656.434	
3.17	Công ty CP Cấp nước Đồng Nai								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	32.923.632.143						32.923.632.143	
3.18	Khu bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	413.725.034						413.725.034	
4	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2019 tỉnh Bình Phước								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	146.547.861.887	6.452.775.029		4.280.146.239	4.633.689.236		131.181.251.383	
4.1	Công ty TNHH Cơ Khí Xây Dựng Kim Đồng Khánh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.088.181.818	1.088.181.818					0	
4.2	Công ty TNHH Hoàng Lê								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.011.557.901	1.011.557.901					0	
4.3	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hòa An								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.353.033.000	4.353.033.000					0	
4.4	Công ty Cổ Phần Sản Xuất - Xây Dựng - Thương Mại Và Nông Nghiệp Hải Vương								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.310	2.310					0	
4.5	Sở Tài chính								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	89.789.000.000	0		486.000.000			89.303.000.000	
4.6	Sở Giáo dục và đào tạo								

	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.269.679.614	0		1.269.679.614			0	
4.7	Huyện Bù Gia Mập								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	363.376.000	0		363.376.000			0	
4.8	Sở Tài nguyên và môi trường								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	503.719.488	0		463.659.292			40.060.196	
4.9	Tp. Đồng Xoài								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.344.849.395	0		973.291.333	36.952.862		1.334.605.200	
4.10	Huyện Chơn Thành								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	724.140.000	0		724.140.000			0	
4.11	Ban QLDA ĐTXD tỉnh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.042.895.000	0		0	2.037.495.000		2.005.400.000	
4.12	Thị xã Phước Long								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	16.531.502.564	0		0	157.502.564		16.374.000.000	
4.13	Huyện Lộc Ninh								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	892.749.178	0		0	892.749.178		0	
4.14	Huyện Bù Đốp								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.508.989.632	0		0	1.508.989.632		0	
4.15	Thị xã Bình Long								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	22.124.185.987	0		0	0		22.124.185.987	
5	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2019 tỉnh Bình Thuận								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	11.944.696.187	0		0	4.530.709.209		7.413.986.978	
5.1	Sở Y tế Bình Thuận								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	200.922.183	0		0	200.922.183		0	
5.2	Ban QLDA ĐTXD CT DD và CN tỉnh Bình Thuận								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	66.223.938	0		0	66.223.938		0	
5.3	Ban QLDA các công trình NN&PTNT								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	10.095.102.004	0		0	4.065.060.377		6.030.041.627	
5.4	Huyện Hàm Tân								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	198.502.710	0		0	198.502.710		0	
5.5	Ban QLDA ĐTXD CTGT Bình Thuận								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.383.945.351	0		0	-		1.383.945.351	
III	Niên độ được kiểm toán năm 2018								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.666.311.609.993	83.232.249.507		332.890.317.515	9.048.002.837		1.241.141.040.134	
1	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2018 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	216.888.650.120	3.383.885.196		85.004.510.765	218.502.935		128.281.751.224	
1.1	Cục Thuế								
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.383.885.196	3.383.885.196		0	0		0	

1.2	Huyện Côn Đảo							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	12.494.000.000	0	12.494.000.000	0		0	
1.3	Tp. Bà Rịa							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	755.540.415	0	755.540.415	0		0	
1.4	Sở Y tế							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	6.559.584.000	0	6.559.584.000	0		0	
1.5	Công ty CP Đầu tư phát triển Đô thị Bà Rịa Vũng Tàu							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	65.195.386.350	0	65.195.386.350	0		0	
1.6	Huyện Xuyên Mộc							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	122.944.658	0	0	0		122.944.658	
1.7	Huyện Long Điền							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	218.502.935	0	0	218.502.935		0	
1.8	Sở Tài chính							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	128.031.000.000	0	0	0		128.031.000.000	
1.9	Sở Giao thông vận tải							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	127.806.566	0	0	0		127.806.566	
2	Cuộc kiểm toán việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2017 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu							
2.1	UBND tỉnh BRVT							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.794.734.541	4.794.734.541	0	0		0	
3	Cuộc kiểm toán NSĐP năm 2018 tỉnh Đồng Nai							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	565.817.003.888	42.586.254.316	113.242.642.870	6.603.727.064		403.384.379.639	
3.1	Cục Thuế							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	40.138.326.859	27.172.685.452	12.965.641.407	0		0	
3.2	Huyện Xuân Lộc							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	15.781.763.187	13.371.961.187	2.409.802.000	0		0	
3.3	Huyện Vĩnh Cửu							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.041.607.677	2.041.607.677	0	0		0	
3.6	Sở Tài chính							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	467.574.536.731	0	95.145.837.954	307.267.728		372.121.431.049	
3.7	Huyện Nhơn Trạch							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	31.954.705.034	0	691.756.444	0		31.262.948.590	
3.8	Huyện Long Thành							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.751.083.447	0	2.029.605.065	721.478.382		0	
3.9	Huyện Cẩm Mỹ							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	5.574.980.953	0	0	5.574.980.953		0	

4	Cuộc kiểm toán BCTC năm 2018 của Tổng công ty Phát triển khu công nghiệp							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	5.482.046.522	0		0		5.482.046.522	
5	Cuộc kiểm toán BCTC năm 2018 của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.339.154.381	0		0		2.339.154.381	
6	Cuộc kiểm toán NSĐP năm 2018 tỉnh Bình Thuận							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	387.602.739.792	7.797.818		83.571.641.074	1.633.715.547	302.389.585.353	
6.1	Sở Tài nguyên và môi trường							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	7.797.818	7.797.818		0	0	0	
6.2	Sở Tài chính							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	248.475.062.138	0		60.834.062.138	0	187.641.000.000	
6.3	Sở Công thương							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	646.230.000	0		646.230.000	0	0	
6.4	Huyện Hàm Thuận Nam							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	9.440.235.819	0		9.440.235.819	0		
6.5	Huyện Tánh Linh							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	25.588.723.828	0		9.569.512.714	0	16.019.211.114	
6.6	Huyện Bắc Bình							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.269.730.512	0		2.964.201.964	0	305.528.548	
6.7	Công ty CP Môi trường DVĐT							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	117.398.439	0		117.398.439	0	0	
6.8	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	10.931.354.106	0		0	127.902.000	10.803.452.106	
6.9	Huyện Hàm Thuận Nam							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.464.007	0		0	4.464.007		
6.10	Ban quản lý dự án ĐTXD CTGT tỉnh Bình Thuận							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	105.948.740	0		0	105.948.740	0	
6.11	Huyện Tánh Linh							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.395.400.800	0		0	1.395.400.800		
6.12	Cục Thuế							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0	0		0	0	0	
6.13	UBND tỉnh							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	87.620.393.585	0		0	0	87.620.393.585	
7	Cuộc kiểm toán NSĐP năm 2018 tỉnh Tây Ninh							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	483.387.280.748	32.459.577.637		51.071.522.806	592.057.291	399.264.123.014	

7.1	Cục Thuế							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	22.338.349.096	22.338.349.096		0	0		0
7.2	Huyện Dương Minh Châu							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	32.067.165.349	2.807.425.390		29.259.739.959	0		0
7.3	Huyện Hòa Thành							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	10.837.391.330	17.391.330		10.820.000.000	0		0
7.4	Huyện Tân Châu							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	12.770.111.309	50.645.320		85.000.000	0		12.634.465.989
7.5	Huyện Tân Biên							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.171.086.526	406.184.325		3.764.902.201	0		0
7.6	Tp. Tây Ninh							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	356.846.193	356.846.193		0	0		0
7.7	Sở TN và MT							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	6.621.653.983	6.482.735.983		138.918.000	0		0
7.8	Sở Tài chính							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	349.812.817.182	0		6.940.817.182	0		342.872.000.000
7.9	Huyện Trảng Bàng							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	12.154.634.119	0		62.145.464	0		12.092.488.655
7.10	Sở Y tế							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	31.665.168.370						31.665.168.370
7.10	Ban QLDA ĐTXD ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	133.972.645	0		0	133.972.645		0
7.11	BQLDA ĐTXD ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	458.084.646	0		0	458.084.646		0
IV	Niên độ được kiểm toán năm 2017							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	133.416.280.092	2.582.866.765		5.081.072.887	14.614.806.639		111.137.533.801
1	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2017 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.412.173.394	67.107.350		576.000.000	1.122.018.750		647.047.294
1.1	Thành phố Vũng Tàu							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	67.107.350	67.107.350		0	0		0
1.2	Sở Tài chính							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	576.000.000	0		576.000.000	0		0
1.3	Thị xã Phú Mỹ							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	647.047.294	0		0	0		647.047.294
1.4	Huyện Châu Đức							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	841.282.000	0		0	841.282.000		0

1.5	Ban QLDA chuyên ngành Giao thông tỉnh BR-VT							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	280.736.750	0	0	280.736.750		0	
2	Cuộc kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư tại Ban Quản lý dự án chuyên ngành giao thông tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Long Sơn, xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu; Dự án đường vào Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn, thành phố Vũng Tàu; Dự án Đường vào khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn nối dài - đoạn từ khu lọc dầu đến khu hóa dầu)							
2.1	Ban Quản lý dự án chuyên ngành giao thông tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.497.814.400	0	0	1.497.814.400			
3	Cuộc kiểm toán NSĐP năm 2017 tỉnh Đồng Nai							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	30.793.210.982	41.100.000	34.659.951	1.485.067.864		29.232.383.167	
3.1	Huyện Trảng Bom							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	41.100.000	41.100.000	0	0		0	
3.2	Sở Tài chính							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	34.659.951	0	34.659.951	0		0	
3.3	Huyện Thống Nhất							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	102.139.000	0	0	102.139.000		0	
3.4	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Đồng Nai							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.281.464.864	0	0	1.281.464.864		0	
3.5	Trung tâm GDTX tỉnh							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	101.464.000	0	0	101.464.000		0	
3.6	Sở Nông nghiệp và PTNT							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.703.866.392	0	0	0		1.703.866.392	
3.7	Thành phố Biên Hòa							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.273.921.958	0	0	0		1.273.921.958	
3.8	Thị xã Long Khánh							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	26.254.594.817	0	0	0		26.254.594.817	

3.9	Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	0	0					
4	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 1)							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	21.900.507.978			7.890.938.031		14.009.569.947	
5	Kiểm toán Chương trình nhà ở xã hội giai đoạn 2015-2017 của tỉnh Đồng Nai							
5.1	Quỹ Đầu tư phát triển							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	29.058.360.465					29.058.360.465	
6	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2017 tỉnh Bình Phước							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	47.754.212.873	2.474.659.415	4.470.412.936	2.618.967.594		38.190.172.928	
6.1	Công ty Cổ phần KCN Bắc Đồng Phú							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.310.278.688	2.310.278.688	0	0		0	
6.2	Công ty TNHH MTV Xây dựng cầu đường Phước Long							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	164.380.727	164.380.727	0	0		0	
6.3	Sở Tài chính							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	33.302.827.671		3.824.827.671	0		29.478.000.000	
6.4	Sở Y tế							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	5.736.372.323		618.848.265	0		5.117.524.058	
6.5	Thị xã Bình Long							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	557.343.580		26.737.000	530.606.580		0	
6.6	Huyện Hớn Quản							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.505.693.015		0	1.505.693.015		0	
6.7	Thị xã Phước Long							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.594.648.870					3.594.648.870	
6.8	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Bình Phước							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	485.015.000			485.015.000		0	
6.9	Sở Giáo dục tỉnh Bình Phước							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	97.653.000			97.653.000		0	
IV	Niên độ được kiểm toán năm 2016							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	170.513.632.345	24.506.249.551	40.434.969.272	3.309.880.506		102.262.533.016	
1	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2016 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	43.149.715.581	7.780.669.893	34.412.213.492	956.832.196		0	
1.1	Cục Thuế							

	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	7.024.267.076	7.024.267.076		0	0		0
1.2	Huyện Đất Đỏ							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	756.402.817	756.402.817		0	0		0
1.3	Sở Tài chính							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	25.503.626.225	0		25.503.626.225	0		0
1.4	Bệnh viện Bà Rịa							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	7.408.587.267	0		7.408.587.267	0		0
1.5	Bệnh viện Lê Lợi							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.500.000.000	0		1.500.000.000	0		0
1.6	Huyện Xuyên Mộc							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	874.043.296			874.043.296			0
1.7	Ban Quản lý dự án chuyên ngành NN&PTNT							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	82.788.900			82.788.900			0
2	Chuyên đề quản lý và sử dụng đất các khu đô thị, các dự án được giao, cho thuê đất giai đoạn 2014-2016 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	16.398.161.126	16.398.161.126		0	0		0
2.1	Công ty CP Đình Thuận (Dự án KDC An Thuận)							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	13.644.323.280	13.644.323.280		0	0		0
2.2	Công ty CP địa ốc Long Kim Phát (Dự án KDC tại thị trấn Trảng Bom)							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	183.091.346	183.091.346		0	0		0
2.3	Công ty Cổ phần Anh Vinh (Trường cao đẳng Lê Quý Đôn)							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.144.615.500	1.144.615.500		0	0		0
2.4	Công ty TNHH Nhật Tường (KDC tại xã An Phước; Long Thành)							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.426.131.000	1.426.131.000		0	0		0
3	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2016 tỉnh Bình Thuận							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	110.965.755.638	327.418.532	0	6.022.755.780	2.353.048.310		102.262.533.016
3.1	Công ty CP Đầu tư khoáng sản và Thương mại Bình Thuận							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	80.000.000	80.000.000	0	0	0		0

3.2	Công ty CP Bình Hiệp							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	120.000.000	120.000.000	0	0	0	0	
3.3	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Nam Việt							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	35.406.012	35.406.012	0	0	0	0	
3.4	Công ty TNHH Xây lắp TM Tấn Phát							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	92.012.520	92.012.520	0	0	0	0	
3.5	Huyện Tuy Phong							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	13.128.073.580	0	0	265.073.580	0	12.863.000.000	
3.6	Thị xã La Gi							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	34.992.267.520	0	0	5.757.682.200	0	29.234.585.320	
3.7	Chi cục Phát triển Nông thôn							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	92.742.000					92.742.000	
3.8	TP. Phan Thiết							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	15.266.805.696	0	0	0	0	15.266.805.696	
3.9	Huyện Đức Linh							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	19.148.900.000	0	0	0	0	19.148.900.000	
3.10	Sở Tài chính							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	25.656.500.000	0	0	0	0	25.656.500.000	
3.11	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.353.048.310	0	0	2.353.048.310	0	0	
V	Niên độ được kiểm toán năm 2015							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	101.804.770.269	20.215.741.481		70.680.137.630	10.908.891.158		
1	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2015 tỉnh BRVT							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.291.809.382	1.291.809.382					
1.1	Tp Vũng Tàu							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.291.809.382	1.291.809.382		0	0		
2	Cuộc kiểm toán Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Trung tâm Hành Chính - Chính trị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu							
2.1	Ban QLDA Trung tâm Hành chính tỉnh							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	222.534.000	0		0	222.534.000		
3	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2015 tỉnh Đồng Nai							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	18.520.684.188	18.520.684.188		0	0		

3.1	Tổng công ty Tín Nghĩa							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	9.472.398.102	9.472.398.102		0	0		
3.2	Cty CP phát triển đô thị và Công nghiệp							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	7.595.970.480	7.595.970.480		0	0		
3.3	HTX TMDVVT Nhơn Trạch							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.452.315.606	1.452.315.606		0	0		
4	Kiểm toán ngân sách năm 2015 thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai							
4.1	Thành phố Biên Hòa							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	89.884.826	0		0	89.884.826		
5	Kiểm toán hoạt động quản lý, sử dụng NSNN năm 2015 huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai							
5.1	Huyện Long Thành							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	62.058.307.456	288.114.523		60.680.137.630	1.090.055.303		
6	Cuộc kiểm toán NSĐP năm 2015 tỉnh Bình Phước							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	19.621.550.417	115.133.388		10.000.000.000	9.506.417.029		
6.1	Cục Thuế							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	115.133.388	115.133.388		0	0		
6.2	Sở Tài chính							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	10.000.000.000			10.000.000.000	0		
6.5	Sở Giao thông vận tải							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	6.955.712.619				6.955.712.619		
6.6	Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước BP							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	209.483.068				209.483.068		
6.7	Huyện Bù Đốp							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.395.970.170				1.395.970.170		
6.8	Thành phố Đồng Xoài							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	945.251.172				945.251.172		
V	Niên độ được kiểm toán năm 2014							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.656.807.608	0		1.963.429.166	2.693.378.442		

1	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2014 Tỉnh Đồng Nai (bao gồm chuyên đề lồng ghép: Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2014; Chuyên đề công tác quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đầu tư cho hoạt động khoa học công nghệ năm 2014)							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.963.429.166	0		1.963.429.166			
1.1	Sở Tài chính (Kiểm toán ngân sách)							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	215.280.000	0		215.280.000	0		
1.2	Thị xã Long Khánh (chuyên đề)							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	8.480.000			8.480.000			
1.3	Huyện Nhơn Trạch (chuyên đề)							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.739.669.166			1.739.669.166			
2	Cuộc kiểm toán quyết toán ngân sách địa phương năm 2014 của tỉnh Bình Phước (lồng ghép chuyên đề: Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2014; Chuyên đề công tác quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đầu tư cho hoạt động khoa học công nghệ năm 2014)							
2.1	UBND tỉnh Bình Phước							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.693.378.442			0	2.693.378.442		
VI	Niên độ được kiểm toán năm 2013							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	15.065.225.481	14.761.721.791		0	156.745.786	146.757.904	
1	Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	14.761.721.791	14.761.721.791		0	0		0
2	Tổng công ty Phát triển Khu công nghiệp							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	146.757.904			0	0	146.757.904	

3	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2013 tỉnh Bình Thuận							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	156.745.786			0	156.745.786		0
3.1	Ban QLDA Thủy sản tỉnh Bình Thuận							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	156.745.786			0	156.745.786		0
VII	Niên độ được kiểm toán năm 2012							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	23.048.416.219	21.141.687.944		250.878.481	1.655.849.794		
1	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2012 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	18.415.951.629	18.415.951.629					
1.1	Tp. Vũng Tàu							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	18.364.869.908	18.364.869.908		0	0		0
1.2	Huyện Xuyên Mộc							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	51.081.721	51.081.721		0	0		0
2	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2012 tỉnh Đồng Nai							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	136.459.928	0		136.459.928	0		0
2.1	Sở Tài chính							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	136.459.928	0		136.459.928	0		0
3	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2012 tỉnh Bình Phước							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	4.496.004.662	2.725.736.315		114.418.553	1.655.849.794		0
3.1	Công ty TNHH TM XNK TH & DV Hùng Nhon							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	752.144.307	752.144.307		0	0		0
3.2	Công ty TNHH Đức Bình							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.830.016.734	1.830.016.734		0	0		0
3.3	Công ty TNHH Thiện Nguyên							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	143.575.274	143.575.274		0	0		0
3.4	Sở Tài chính							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	335.144	0		335.144	0		0
3.5	Sở Giao thông vận tải							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	114.083.409	0		114.083.409	0		0
3.5	Huyện Chơn Thành							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	70.301.380	0			70.301.380		0
3.6	Ban QLDA ngành Giao thông Vận tải tỉnh Bình Phước							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	219.402.704	0			219.402.704		0
3.7	Ban quản lý các dự án ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Phước							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.366.145.710	0			1.366.145.710		0

VII	Niên độ được kiểm toán năm 2011							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.878.610.353	1.176.767.603		420.800.000	2.281.042.750		0
1	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2011 tỉnh Bình Thuận							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	3.878.610.353	1.176.767.603		420.800.000	2.281.042.750		0
1.1	Công ty TNHH Minh Hà							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	111.857.123	111.857.123			0		0
1.2	Công ty TNHH thương mại Tân Quang Cường							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	907.733.063	907.733.063			0		0
1.3	Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	157.177.417	157.177.417			0		0
1.4	Huyện Tuy Phong							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	420.800.000			420.800.000	0		0
1.5	Ban QLDA Thủy Sản Bình Thuận							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.281.042.750			0	2.281.042.750		0
VIII	Niên độ được kiểm toán năm 2010							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.811.826.001	1.672.594.100		0	139.231.901		0
1	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2010 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.291.280.460	1.291.280.460		0	0		0
1.1	Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.291.280.460	1.291.280.460		0	0		0
2	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2010 tỉnh Đồng Nai							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	9.964.526	9.964.526		0	0		0
2.1	HTX Dịch vụ - Thương mại - Nông nghiệp Sông Ray							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	9.964.526	9.964.526		0	0		0
3	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2010 tỉnh Bình Phước							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	510.581.015	371.349.114		0	139.231.901		0
3.1	Công ty TNHH TM XD Việt Phong							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	371.349.114	371.349.114		0	0		0
3.2	Huyện Chơn Thành							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	69.193.331	0			69.193.331		0

3.3	Ban QLDA Sở Giáo dục và Đào tạo							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	70.038.570	0		70.038.570		0	
X	Niên độ được kiểm toán năm 2009							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	15.794.900.904	1.953.633.082		11.667.548.342	2.173.719.480	0	
1	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2009 tỉnh Đồng Nai							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	452.922.302	452.922.302		0	0	0	
1.1	Công ty CP Đầu tư và PTDV Du lịch Hải Thuận							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	452.922.302	452.922.302		0	0	0	
2	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2009 tỉnh Bình Phước							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	14.162.936.379	321.668.557		11.667.548.342	2.173.719.480	0	
2.1	Công ty TNHH Công Minh							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	44.814.537	44.814.537		0	0	0	
2.2	Công ty TNHH Xuân Phước							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	276.854.020	276.854.020		0	0	0	
2.3	Sở Tài chính							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	11.435.313.434	0		11.435.313.434	0	0	
2.4	Huyện Bù Đăng							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	232.234.908	0		232.234.908	0	0	
2.5	Ban QLDA Ngành NN&PTNT							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	878.799.480	0		878.799.480		0	
2.5	Trường Chính trị tỉnh Bình Phước							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.294.920.000	0		1.294.920.000		0	
3	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2009 tỉnh Bình Thuận							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.179.042.223	1.179.042.223			0	0	
3.1	Chi cục thuế Thị xã Lagi							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	1.179.042.223	1.179.042.223			0	0	
XI	Niên độ được kiểm toán năm 2008							
1	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2008 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.019.842.224	2.019.842.224		0	0	0	
1.1	Công ty Tư vấn & Kinh doanh nhà Đạt Gia							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	2.019.842.224	2.019.842.224		0	0	0	

XII	Niên độ được kiểm toán năm 2007							
1	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2007 tỉnh Bình Phước							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	21.673.444	0		0	21.673.444		0
1.1	Huyện Chơn Thành							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	21.673.444	0		0	21.673.444		0
XIII	Niên độ được kiểm toán năm 2005							
1	Cuộc kiểm toán NSDP năm 2005 tỉnh Bình Phước							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	408.890.988	0		0	408.890.988		0
1.1	Ban QLDA ngành GTVT tỉnh Bình Phước							
	Số chưa thực hiện (6)=(4-5)	408.890.988	0		0	408.890.988		0

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CHƯA THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẾN 31/12/2022

STT	Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Nguyên nhân chưa thực hiện	
				Thuyết minh nguyên nhân	Phân loại
1	2	3	4	5	6
I	Niên độ được kiểm toán 2020				
1	HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Báo cáo kiểm toán NSĐP năm 2020 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Kiểm tra, rà soát, sửa đổi các quy định tại Nghị quyết số 29/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 và các Nghị quyết khác về chính sách hỗ trợ, bồi dưỡng đối với những người hoạt động không chuyên trách, một số chức danh khác ở cấp xã và thôn, ấp, khu phố, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do chưa phù hợp với quy định của Luật NSNN (trong trường hợp không phù hợp thì Tỉnh có trách nhiệm thu hồi các văn bản đã ban hành).	Do địa phương chưa thực hiện	
2	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Báo cáo kiểm toán NSĐP năm 2020 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	UBND Tỉnh xem xét điều chỉnh lại Văn bản số 5291/HD-UBND ngày 28/5/2020 về Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công trên địa bàn tỉnh theo cho phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu, Thông tư số 14/2017/TT-BXD của Bộ Xây dựng và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.	Do địa phương chưa thực hiện	
3	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Báo cáo kiểm toán NSĐP năm 2020 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng căn cứ các quy định pháp luật hiện hành để triển khai xây dựng, ban hành hoặc tham mưu cho UBND Tỉnh ban hành đầy đủ, kịp thời các định mức, đơn giá làm cơ sở cho các đơn vị trực thuộc áp dụng khi xây dựng dự toán kinh phí, cụ thể: “Định mức, đơn giá của các công tác duy trì, chăm sóc cây xanh... phát sinh thực tế nhưng chưa có trong đơn giá và định mức của tỉnh như quét rác đường nội bộ công viên, quét rác thảm cỏ công viên, vận hành máy bơm hồ phun, duy trì máy bơm hồ phun, tưới nước bằng hệ thống tưới tự động...”.	Do địa phương chưa thực hiện	
4	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Báo cáo kiểm toán NSĐP năm 2020 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng căn cứ các quy định pháp luật hiện hành để triển khai xây dựng, ban hành hoặc tham mưu cho UBND Tỉnh ban hành đầy đủ, kịp thời các định mức, đơn giá làm cơ sở cho các đơn vị trực thuộc áp dụng khi xây dựng dự toán kinh phí, cụ thể: “Đơn giá đặt hàng đào tạo nghề đối với trường Cao đẳng kỹ thuật, công nghệ đối với một số định mức chưa được ban hành tại Thông tư số 08/2018/TT-BLĐTBXH như: Số giờ lao động gián tiếp đối với giờ dạy các môn học chung không; đơn giá giờ dạy; phụ cấp đứng lớp; chi phí quản lý hành chính; tính trượt giá hàng năm 7,5...cho phù hợp tình hình thực tế tại Tỉnh”	Do địa phương chưa thực hiện	
5	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Báo cáo kiểm toán NSĐP năm 2020 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng căn cứ các quy định pháp luật hiện hành để triển khai xây dựng, ban hành hoặc tham mưu cho UBND Tỉnh ban hành đầy đủ, kịp thời các định mức, đơn giá làm cơ sở cho các đơn vị trực thuộc áp dụng khi xây dựng dự toán kinh phí, cụ thể: Đơn giá nạo vét bùn cống ngầm sử dụng thiết bị cụm tời tự động (nếu đến nay công nghệ này đã trở thành phổ biến, không còn là công nghệ độc quyền có đăng ký sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp)	Do địa phương chưa thực hiện	

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CHƯA THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA KTTN VỀ KIỂM ĐIỂM TRÁCH NHIỆM TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐẾN 31/12/2022

STT	Tên cơ quan tổ chức, cá nhân được kiến nghị	Trích từ báo cáo kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Nguyên nhân chưa thực hiện	
				Thuyết minh nguyên nhân	Phân loại
I	Niên độ được kiểm toán 2020	3	4	5	6
1	Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước	Báo cáo kiểm toán NSĐP năm 2020 tỉnh Bình Phước	Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước chỉ đạo tổ chức kiểm điểm và chấn chỉnh công tác tham mưu liên quan đến việc: Chỉ định nhà đầu tư, không đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với các dự án khu dân cư Đất Xanh, khu dân cư Hạnh Phúc 2 không có sẵn đất ở hợp pháp, chưa phù hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 Luật Nhà ở 2014 và khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ (tại thời điểm tham mưu phê duyệt chủ trương đầu tư).	Do địa phương chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
II	Niên độ được kiểm toán 2018				
1	UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, UBND thành phố Bà Rịa và các sở ngành có liên quan	BCKT Ngân sách địa phương năm 2018 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	UBND Tỉnh, UBND thành phố Bà Rịa và các sở ngành có liên quan đến các sai phạm trong việc mua Dự án nhà ở thương mại dở dang của Công ty TNHH Lan Anh để làm NOXH. (UBND tỉnh chỉ đạo xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân)	Do địa phương chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
2	UBND tỉnh BRVT	BCKT Ngân sách địa phương năm 2018 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	UBND Tỉnh chỉ đạo kiểm điểm, xử lý trách nhiệm các tập thể và cá nhân liên quan đến việc chậm ký các hợp đồng thuê đất làm cơ sở pháp lý thu tiền thuê đất của Công ty CP cao su Thống Nhất theo quy định pháp luật	Do địa phương chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
3	Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	BCKT Ngân sách địa phương năm 2018 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	(8) Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc tham mưu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp để sản xuất lâm nghiệp nhưng xác định là đối tượng không thu tiền sử dụng đất là trái với quy định pháp luật; việc giao 6,74 ha đất cho Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất mà không ký hợp đồng thuê đất làm cơ sở xác định tiền thuê đất phải nộp; việc chậm xử lý Văn bản số 2870/UBND-VP ngày 15/9/2017 của UBND thành phố Bà Rịa. (UBND tỉnh chỉ đạo xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân)	Do địa phương chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
4	UBND tỉnh BRVT	BCKT việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2017 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đề nghị UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân đối liên quan đến những sai phạm, tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm toán cụ thể như sau:	Do địa phương chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán

5	UBND tỉnh BRVT	BCKT việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giải tại tỉnh Bà Rịa — Vũng Tàu đoàn 2011-2017 tại tỉnh Bà Rịa	Việc giao đất không đầu tư, sử dụng đất là vì phạm quy định khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2003, điểm a khoản 1 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 3 Quy chế đầu tư đầu tư sử dụng đất để giao đất cho thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất ban hành kèm theo Quyết định 216/2005/QĐ-TTg ngày 31/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ đối với các dự án: (1) dự án Khu dân cư số 41D đường 30/4 của Tổng Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí; (2) Dự án xây dựng Khu phức hợp Thương Mại - Dịch vụ, Văn phòng và Căn hộ của Công ty CP Xây dựng Công Nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Do địa phương chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
6	UBND tỉnh BRVT	BCKT việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giải tại tỉnh Bà Rịa — Vũng Tàu đoàn 2011-2017 tại tỉnh Bà Rịa	Việc tham mưu UBND tỉnh BR-VT ban hành 08 quyết định điều chỉnh 08 quyết định cho thuê đất tại thời điểm cổ phần hóa của 05 Công ty cổ phần, trong đó cho phép 05 công ty này được kế thừa đơn giá thuê đất của DNNN được thuê đất trước khi cổ phần hóa không phù hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 31 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ	Do địa phương chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
7	UBND tỉnh BRVT	BCKT việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giải tại tỉnh Bà Rịa — Vũng Tàu đoàn 2011-2017 tại tỉnh Bà Rịa	Liên quan đến việc chậm trễ xác định giá đất cụ thể để thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với 02 khu đất, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước 15.229 trđ	Do địa phương chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
8	UBND tỉnh BRVT	BCKT việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giải tại tỉnh Bà Rịa — Vũng Tàu đoàn 2011-2017 tại tỉnh Bà Rịa	Chậm tham mưu ban hành quyết định cho thuê đất, tiến hành các thủ tục ký hợp đồng thuê đất, luân chuyển hồ sơ thông tin địa chính để xác định đơn giá đất tại Công ty cổ phần Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo dẫn đến huy động không kịp thời nguồn thu vào NSNN 4.127 trđ	Do địa phương chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
9	UBND tỉnh BRVT	BCKT việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giải tại tỉnh Bà Rịa — Vũng Tàu đoàn 2011-2017 tại tỉnh Bà Rịa	Quản lý đất đai tại Công ty CP May xuất khẩu Vũng Tàu, khi đề Công ty triển khai xây dựng cơ bản các hàng mục hạ tầng kỹ thuật mà chưa chuyển mục đích sử dụng đất, chưa nộp tiền sử dụng đất	Do địa phương chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
10	UBND tỉnh BRVT	BCKT việc quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giải tại tỉnh Bà Rịa — Vũng Tàu đoàn 2011-2017 tại tỉnh Bà Rịa	Thiếu kiểm tra, giám sát và chậm báo cáo tình hình quản lý, sử dụng khu đất của doanh nghiệp: Lô đất có diện tích 11.814,9 m² tại góc đường Nguyễn An Ninh giao Thủy Văn cho Công ty Hưng Hải thuê khi không triển khai xây dựng dự án, không nộp tiền thuê đất, gây thất thu NSNN tiền thuê đất và khoản tiền tương đương với tiền thuê đất trong thời gian chậm tiến độ. Tham mưu chuyển pháp nhân thuê đất sai quy định (nhượng quyền thuê đất sang cho Công ty con là Công ty CP DL Quốc tế Hưng Hải) khi không thông qua hình thức đấu giá, không kiểm tra năng lực nhà đầu tư, dẫn đến khu đất bị bỏ hoang nhiều năm (từ năm 1992 đến nay)	Do địa phương chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán

11	Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai	BCKT Ngân sách địa phương năm 2018 của tỉnh Đồng Nai	Kiểm điểm trách nhiệm các tập thể, cá nhân thuộc UBND huyện Trảng Bom và các Sở, Ngành có liên quan trong việc đề cho Công ty cổ phần Du lịch Giang Điền - Chủ đầu tư dự án Khu dân cư mật độ thấp và du lịch sinh thái thác Giang Điền, huyện Trảng Bom triển khai thực hiện dự án xây dựng khu dân cư khi chưa được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư; chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở khi chưa thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất, chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất, chưa được UBND tỉnh cho phép phân lô, bán nền	Do địa phương chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
III	Niên độ được kiểm toán năm 2017				
1	UBND tỉnh BRVT	BCKT Ngân sách địa phương năm 2017 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đề nghị UBND tỉnh xử lý trách nhiệm đối với Sở Tài nguyên Môi trường trong việc chứng nhận chuyển đổi mục đích sử dụng đất sai quy hoạch (7 lô đất của Công ty Barimex làm thất thoát hơn 7.000 trđ)	Do địa phương chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
2	UBND tỉnh BRVT	BCKT Ngân sách địa phương năm 2017 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đề nghị UBND tỉnh xử lý trách nhiệm đối với 16 chủ đầu tư không thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư	Do địa phương chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
3	UBND tỉnh Đồng Nai	BCKT Ngân sách địa phương năm 2017 của tỉnh Đồng Nai	UBND tỉnh chỉ đạo xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phát triển Quỹ đất, Trung tâm Phát triển Quỹ đất Chi nhánh Long Khánh và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức đấu giá 35 lô đất của dự án Khu tái định cư Bảo Vinh tại thị xã Long Khánh theo mức giá khởi điểm phê duyệt năm 2013 thấp hơn bảng giá đất UBND Tỉnh ban hành gây thất thoát NSNN. Tại thời điểm kiểm tra Sở Tài chính báo cáo các đơn vị chưa thực hiện kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước	Do địa phương chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
4	Sở Nội vụ tỉnh Bình Thuận	BCKT Ngân sách địa phương năm 2017 của tỉnh Bình Thuận	Sở Nội vụ, trong việc tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt định mức biên chế công chức hành chính cao hơn 50 biên chế so với Thủ tướng Chính phủ giao; và cao hơn 637 người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Bình Thuận năm 2018 so với số thẩm định của Bộ Nội vụ và 327 biên chế hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 11/11/2000 của Chính phủ	Do địa phương chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
5	Sở Y tế tỉnh Bình Thuận	BCKT Ngân sách địa phương năm 2017 của tỉnh Bình Thuận	Sở Y tế làm rõ nguyên nhân và xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân của 07 bệnh viện trong việc quản lý, điều hành không được BHXH chấp nhận quyết toán một số khoản chi phí, gây thất thu cho đơn vị số tiền 33.789 triệu đồng	Do địa phương chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
6	UBND tỉnh Đồng Nai	Báo cáo kiểm toán chuyên đề quản lý và sử dụng đất tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014 - 2016	Đề nghị UBND tỉnh tổ chức kiểm điểm, xử lý theo quy định đối với tập thể và cá nhân liên quan để xảy ra các sai phạm, cụ thể	Do địa phương chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán

7	Hội đồng thẩm định giá, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế và UBND tỉnh Đồng Nai	Bảo cáo kiểm toán chuyên đề quản lý và sử dụng đất tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014 - 2016	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và UBND tỉnh Đồng Nai	Do địa phương chưa nghiệm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
8	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và các ngành chức năng tỉnh Đồng Nai	Bảo cáo kiểm toán chuyên đề quản lý và sử dụng đất tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014 - 2016	Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và UBND tỉnh Đồng Nai, anh hướng dẫn địa bàn tỉnh Đồng Nai, anh hướng dẫn địa bàn tỉnh Đồng Nai, anh hướng dẫn địa bàn tỉnh Đồng Nai	Do địa phương chưa nghiệm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
9	Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh Đồng Nai	Bảo cáo kiểm toán chuyên đề quản lý và sử dụng đất tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014 - 2016	Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế không thực hiện kịp thời các thủ tục để thu tiền thuê đất theo quy định tại khoản 8 Điều 15 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2015 được bổ sung tại Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ	Do địa phương chưa nghiệm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
10	Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai, Giám đốc Sở Xây dựng, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tỉnh Đồng Nai	Bảo cáo kiểm toán chuyên đề quản lý và sử dụng đất tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014 - 2016	Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai, Giám đốc Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan tỉnh Đồng Nai, anh hướng dẫn địa bàn tỉnh Đồng Nai, anh hướng dẫn địa bàn tỉnh Đồng Nai, anh hướng dẫn địa bàn tỉnh Đồng Nai	Do địa phương chưa nghiệm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
IV	Niên độ được kiểm toán năm 2015				
1	UBND tỉnh Bình Phước	BCKT NSDP năm 2015 tỉnh Bình Phước	Kiểm nghị UBND tỉnh chỉ đạo kiểm điểm, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân đối với:	Do địa phương chưa nghiệm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
2	Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước	BCKT NSDP năm 2015 tỉnh Bình Phước	(1) Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan: Trong việc chăm tham mưu cho UBND tỉnh để điều chỉnh và ban hành định mức, đơn giá xây dựng các hạng mục theo Quyết định số 1172/QĐ-BXD và số 1173/QĐ-BXD ngày 26/12/2012 của Bộ Xây dựng; chậm ban hành quy định về quản lý DABTXD trên địa bàn tỉnh, thay thế Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND ngày 29/6/2009;	Do địa phương chưa nghiệm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
3	Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước	BCKT NSDP năm 2015 tỉnh Bình Phước	(2) Sở Xây dựng: liên quan đến sai sót trong công tác thẩm định, khảo sát, thiết kế theo quy định tại Tiêu chuẩn TCVN 7957: 2008 và QCVN 14:2008/BTNMT;	Do địa phương chưa nghiệm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán

4	UBND huyện Chơn Thành	BCKT NSDP năm 2015 tỉnh Bình Phước	(3) UBND huyện Chơn Thành: trong việc tự ý chuyển mục đích sử dụng khoán tạm ứng vốn từ Quỹ phát triển đất sang dự án khác không đúng quy định;	Do địa phương chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán
5	Các đơn vị tư vấn tại tỉnh Bình Phước	BCKT NSDP năm 2015 tỉnh Bình Phước	(4) Các đơn vị tư vấn: do đã để xảy ra nhiều sai sót trong thiết kế, lập dự toán làm tăng giá trị dự toán các gói thầu 4.275.190.344 đồng, đồng thời tiến hành các biện pháp khắc phục theo quy định tại Khoản 5, Điều 9, Nghị định số 121/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ, đối với số tiền thất thoát NSNN số tiền 1.286.551.837 đồng do giá trị dự toán sau khi điều chỉnh thấp hơn giá trúng thầu. Đồng thời đề nghị Chủ đầu tư, Ban QLDA thương thảo với đơn vị trúng thầu điều chỉnh giá trị trúng thầu, giá hợp đồng cho phù hợp với dự toán điều chỉnh theo kết quả của KTNN.	Do địa phương chưa nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán	Do đơn vị được kiểm toán

